

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG
Bản án số: **05/2026/HNGĐ-ST**
Ngày 09 - 01 - 2026
V/v Ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Tuyên Quang, ngày 09 tháng 01 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nghiêm Đình Long

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hà

Bà Tạ Văn Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Thủy, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 79/2025/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Ma Công T**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn B, xã M, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

* Bị đơn: Chị **Hoàng Thị K**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn B, xã M, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện và tại các lời khai, nguyên đơn anh Ma Công T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 nhưng đến ngày 02/8/2016 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã M, tỉnh Tuyên Quang). Khi kết hôn được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh nghi ngờ chị K có quan hệ ngoại tình với người khác. Tháng 02/2019, chị K đi làm việc ở đâu anh không biết, thì thoảng chị mới về nhà thăm con xong lại đi ngay, anh hỏi chị K đi đâu làm gì thì chị K không nói. Anh và chị K sống ly thân

từ tháng 02/2019 tới nay. Hiện nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh T xác định không còn tình cảm với chị K và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị K.

- Về con chung: Anh T xác định anh và chị K có 01 con chung là cháu Ma Thị P, sinh ngày 22/5/2016. Anh đề nghị giao cháu P cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi và không đề nghị chị K phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh T xác định anh và chị K không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay, nợ chung: Anh T xác định không có nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập họp lệ chị K để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị K không có mặt. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa: Anh Ma Công T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị Hoàng Thị K vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

* **Về tố tụng:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định về quyền nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Ma Công T được ly hôn với chị Hoàng Thị K.

- Về con chung: Giao cháu Ma Thị P, sinh ngày 22/5/2016 cho anh Ma Công T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Chị Hoàng Thị K không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh T là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện

kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có yêu cầu miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định.

- Về quyền kháng cáo: Anh T và chị K được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T theo quy định, nhưng chị T không đến Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Ma Công T và chị Hoàng Thị K đăng ký kết hôn ngày 02/8/2016 tại UBND xã M, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị K là hợp pháp.

Anh T và chị K mâu thuẫn với nhau thời gian dài, vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau từ năm 2019 đến nay, nội dung này được gia đình xác nhận. Như vậy, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh Ma Công T ly hôn với chị Hoàng Thị K.

- Về con chung: Anh T xác định anh và chị K có 01 con chung là cháu Ma Thị P, sinh ngày 22/5/2016. Cháu P hiện nay đang do anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị K không quan tâm và chăm sóc cháu P, nội dung này được gia đình cung cấp và xác nhận. Vì vậy, cần giao cháu P cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, chị K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh T là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có yêu cầu miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Anh T và chị K được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ma Công T.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Ma Công T được ly hôn với chị Hoàng Thị K (*Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 02 tháng 8 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang*).

[2]. Về con chung: Giao cháu Ma Thị P, sinh ngày 22/5/2016 cho anh Ma Công T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 (*mười tám*) tuổi.

Chị Hoàng Thị K không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Anh Ma Công T được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch.

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Ma Công T, bị đơn chị Hoàng Thị K vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 3 – Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Minh Quang (để ghi Sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nghiêm Đình Long